TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2023/DS-PT
Ngày: 14/11/2023
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Thẩm phán: -Ông Cao Văn Lạc
-Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu - Thẩm tra viên Tòa án nhân nhân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2023/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023, về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2023/QĐ-PT, ngày 25 tháng 10 năm 2023, giữa:

1.Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng Q, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp Phú H, xã Hòa Ph, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

2.Bị đơn:

- Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1955 (có mặt)
- Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1959 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã Hậu L1, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

Do có kháng cáo của ông Lê Hữu Đ và bà Phạm Thị Mỹ L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Hồng Q trình bày:

Từ năm 2017 đến năm 2019 bà có cho ông Lê Hữu Đ và bà Phạm Thị Mỹ L vay tiền nhiều lần cộng lại là 60.000.000đ, đến ngày 27/03/2020 âm lịch (nhằm ngày 19/04/2020 dương lịch) hai bên gặp nhau cộng tiền gốc và lãi là 74.000.000đ. Trước đó bà có cho ông Đ mượn 10.000.000đ, đến ngày 27/03/2020 âm lịch (nhằm ngày 19/04/2020 dương lịch) tiếp tục cho ông Đ

mượn 65.000.000đ, tổng cộng là 75.000.000đ để cho con ăn học. Các lần vay trên chốt lại là 149.000.000đ và tính lãi 1,1%/tháng để 02 năm sau là ngày 27/03/2022 âm lịch (nhằm ngày 19/04/2022 dương lịch) ông Đ, bà L sẽ trả cho bà số tiền 180.000.000đ, ông Đ, bà L đồng ý nên viết "*Giấy xác nhận*" vào ngày 01/04/2020 âm lịch.

Khi hết thời hạn 02 năm, ông Đ và bà L không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận, mặc dù ông Đ có tài sản là thửa đất số 2, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.281,7m^2, tọa lạc tại ấp B, xã Hậu L1, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Việc ông Đ, bà L không trả nợ đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên bà khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc 149.000.000đ, tiền lãi 1,66%/tháng tính từ ngày 27/3/2020 đến ngày 27/5/2023 là 36 tháng = 89.042.400đ và yêu cầu tính lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng cộng gốc và lãi là 238.042.400đ.

Đến ngày 14/8/2023 nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút về phần lãi suất, yêu cầu tính lãi mức 0,83%/tháng từ ngày 27/03/2020 âm lịch (nhằm ngày 19/04/2020 dương lịch) đến ngày 19/07/2023 là 39 tháng, lãi suất là 0,83%/tháng với tiền gốc là 135.000.000đ, tiền lãi là 43.699.500đ, tiền lãi từ năm 2017 đến năm 2020 là 14.000.000đ, tổng cộng gốc và lãi (135.000.000đ + 14.000.000đ + 43.699.500đ) là 192.699.500đ (Một trăm chín mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm đồng) và tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất là 0,83%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Hữu Đ trình bày:

Từ năm 2017 đến năm 2019 bà L là vợ ông có mượn bà Q nhiều lần với số tiền là 60.000.000đ để cho con ăn học, đến ngày 27/03/2020 âm lịch (nhằm ngày 19/04/2020 dương lịch) thì hai bên gặp nhau chốt lại tiền gốc và lãi là 74.000.000đ, nhưng không biết lãi suất bao nhiêu.

Trước ngày 27/03/2020 âm lịch ông mượn bà Q 10.000.000đ, đến ngày 27/03/2020 âm lịch (nhằm ngày 19/04/2020 dương lịch) tiếp tục mượn 65.000.000đ, tổng cộng là 75.000.000đ, mục đích lo cho con ăn học. Cùng ngày 27/03/2020 âm lịch hai bên chốt lại là 149.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất.

Đối với "*Giấy xác nhận*" ngày 01/04/2020 âm lịch là ông viết và ký tên, lâu quá không nhớ nội dung ghi gì, theo ông nội dung là trả 149.000.000đ, chứ không có gì khác.

Nay ông đồng ý trả cho bà Q số tiền 149.000.000đ, trong đó tiền gốc là 135.000.000đ và 14.000.000đ tiền lãi được tính từ năm 2017 đến năm 2020, đối với tiền lãi từ năm 2020 đến nay không đồng ý, vì không có khả năng trả, chỉ có khả năng trả vốn và xin mỗi tháng trả 500.000đ, nếu có thêm thì trả cao hơn cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L trình bày: thống nhất theo lời trình bày của ông Đ, không ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-PT ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng Q;

Buộc ông Lê Hữu Đ và bà Phạm Thị Mỹ L có trách nhiệm liên đới trả bà Phạm Hồng Q tiền vay gốc và lãi là 193.820.000đ (*Một trăm chín mươi ba triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/9/2023 ông Lê Hữu Đ và bà Phạm Thị Mỹ L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

Sửa bản án sơ thẩm, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng Q, ông bà có nghĩa vụ trả bà Q số tiền 135.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Hữu Đ và bà Phạm Thị Mỹ L thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, đồng ý trả nguyên đơn số tiền 149.000.000đ (trong đó 135.000.000đ tiền gốc và 14.000.000đ tiền lãi của năm 2017 đến 2020) và yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ, không đồng ý trả tiền lãi.

Bà Phạm Hồng Q không đồng ý kháng cáo của các bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc ông Đ và bà L trả số tiền 193.820.000đ.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hữu Đ và bà Phạm Thị Mỹ L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

Về án phí dân sự phúc thẩm: các bị đơn phải chịu án phí, tuy nhiên ông Đ, bà L là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho ông Đ, bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngày 08/9/2023 Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, đến ngày 22/9/2023 các bị đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các bị đơn được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, các bị đơn thay đổi một phần kháng cáo, các bị đơn đồng ý trả nguyên đơn số tiền 149.000.000đ, việc thay đổi một phần kháng cáo của các bị đơn là phù hợp nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Xét kháng cáo của các bị đơn;

Xét thấy từ năm 2017 đến năm 2020 ông Lê Hữu Đ và bà Phạm Thị Mỹ L có vay tiền của bà Phạm Hồng Q nhiều lần, đến ngày 27/3/2020 âm lịch ông Đ có viết biên nhận thiếu nợ cũ và nợ mới tổng cộng là 149.000.000đ (trong đó tiền gốc 135.000.000đ và 14.000.000đ tiền lãi từ 2017 đến 2020). Vào ngày 01/4/2020 hai bên chốt nợ với nhau thì ông Đ viết giấy xác nhận với nội dung: ông Đ và bà L có mượn bà Q số tiền 180.000.000đ, trong vòng hai năm phải trả và mỗi năm trả 50.000.000đ. Bị đơn thừa nhận giấy cam kết mà bà Q cung cấp là do ông Đ viết, bà L và ông Đ ký tên giao cho bà Q cất giữ. Giấy cam kết được ông Đ bà L thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đối chất làm rõ được trong số tiền 180.000.000đ theo giấy cam kết thì tiền vay gốc chỉ có 135.000.000đ, còn lại 45.000.000đ là tiền lãi. Thời hạn trả trong vòng 02 năm, các bị đơn không trả vốn, lãi theo cam kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và tiền lãi là có căn cứ chấp nhận. Tiền gốc được xác định là 135.000.000đ và lãi suất nguyên đơn yêu cầu 0,83% là phù hợp theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về tiền lãi: mặc dù biên nhận ngày 01/4/2020 không thể hiện lãi suất, nhưng nguyên đơn và bị đơn thừa nhận vay có lãi nên các bị đơn làm giấy xác nhận nợ trong vòng 02 năm phải trả số tiền 180.000.000đ, trong đó tiền gốc 135.000.000đ, tiền lãi 45.000.000đ, số tiền lãi này cao hơn mức lãi suất mà bà Q khởi kiện yêu cầu. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đ và bà L phải trả lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền gốc 135.000.000đ từ ngày ghi biên nhận đến ngày xét xử là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Các bị đơn đồng ý trả số tiền 149.000.000đ cho nguyên đơn, nhưng không đồng ý trả lãi, nguyên đơn không đồng ý cho phần tiền lãi nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của các bị đơn. Tại phiên tòa các bị đơn yêu cầu được trả mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ, nguyên đơn không đồng ý cho trả dần nên không có căn cứ chấp nhận.

Các bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị đơn.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

[4] Về án phí: căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị đơn được miễn án phí sơ

thẩm và án phí phúc thẩm, do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hữu Đ và bà Phạm Thị Mỹ L; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 288, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng Q;

1. Buộc ông Lê Hữu Đ và bà Phạm Thị Mỹ L có nghĩa vụ liên đới trả bà Phạm Hồng Q tiền gốc và lãi là 193.820.000đ (Một trăm chín mươi ba triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án) đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí: các bị đơn được miễn án phí sơ thẩm và miễn án phí phúc thẩm, do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí.

Hoàn trả bà Phạm Hồng Q tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.951.000đ (Năm triệu chín trăm năm mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai số 0011597, ngày 03/07/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSND cùng cấp;
-TAND huyện Tam Bình;
-CCTHADS huyện Tam Bình;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình